

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2018

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tâm;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. HKTT: tổ 7, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: số 25, tổ 8, khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1976. HKTT và nơi ở hiện nay: Tổ 7, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện lại ngày 02 tháng 7 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 19 tháng 3 năm 2004, sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp M, xã N, huyện T. Do cuộc sống khó khăn, nên năm 2014 anh T đi làm thợ hồ ở Bình Dương, trong thời gian đó anh có tình cảm với người phụ nữ khác. Sau khi biết ông T quen biết, bà có khuyên ngăn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng không được. Nên từ tháng 9 năm 2017, bà L cũng tìm hiểu và quen người khác, nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn T.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Hoài N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2004 và Phan Thị Bảo T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009. Tùy vào ý kiến của con, nếu con sống với bà L, bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Ý kiến trình bày của ông Phan Văn T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà L về nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện đi đến hôn nhân. Nhưng hiện nay ông không còn đi làm ở Bình Dương, về sinh sống tại địa phương, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, lo cho hai con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Hoài N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2004 và Phan Thị Bảo T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009. Nếu ly hôn ông T có nguyện vọng nuôi con chung Phan Hoài N, đồng ý giao con chung Phan Thị Bảo T cho bà L nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo qui định tại các điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nhận thấy giữa bà L và ông T có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Về tình cảm thấy rằng vợ chồng bà L và ông T đã không còn hạnh phúc, từ năm 2014 ông T đi làm ở Bình Dương có quen biết với người phụ nữ khác, được ông T thừa nhận. Mặc dù, trong thời gian qua ông T về nhà sống và hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L, nhưng đến nay vẫn không thay đổi. Điều này chứng minh cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Phan Hoài N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2004 và Phan Thị Bảo T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009, khuyết tật chân, được hưởng trợ cấp hàng tháng. Cháu N có nguyện vọng được sống với ông T, cháu T có nguyện vọng được sống với bà L. Bà L, ông T cũng thống nhất với ý kiến của con. Sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng cháu N, cháu T;

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn T được xác lập vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 19 tháng 3 năm 2004 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà L, ông T cho rằng mẫu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khi đi làm tại Bình Dương. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn, dẫn đến bà L cũng tìm hiểu quan biết với người khác. Mặc dù, trong thời gian qua ông T về nhà sống và hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L, nhưng đến nay vẫn không thể thay đổi. Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà Nguyễn Thị L xin ly hôn là có căn cứ.

- Về con chung: Phan Hoài Nam, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2004 và Phan Thị Bảo T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009, khuyết tật chân, được hưởng trợ cấp hàng tháng. Cháu N có nguyện vọng được sống với ông T, cháu T có nguyện vọng được sống với bà L. Bà L, ông T cũng thống nhất với ý kiến của con. Sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng cháu N, cháu T, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn T khai không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Phan Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với ông Phan Văn T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phan Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thị Bảo T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009, khuyết tật chân, được hưởng trợ cấp hàng tháng. Ông Phan Văn L được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Hoài N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2004. Bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn T, cùng các thành viên gia đình không được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004328 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ